

SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH
DỰ ÁN ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT CẢI THIỆN GIỐNG LÚA
VÀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐA DẠNG HÓA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
MỸ HÒA
CẦU NGANG - TRÀ VINH



BÁO CÁO TỔNG KẾT

1999-2001

PHÒNG BẢO VỆ THỰC VẬT
VIỆN LÚA ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
Ô MÔN - CẦN THƠ
2001



TÓM TẮT BÁO CÁO TỔNG KẾT

• Các kết quả đạt được:

1. Chuyển đổi cơ cấu giống lúa và mùa vụ sản xuất:

Trước khi thực hiện dự án, cơ cấu sản xuất lúa chủ yếu của xã Mỹ Hòa là một vụ lúa mùa/năm bằng giống CL8 hoặc các giống mùa địa phương như Sồi, trắng tép dài ngày, cao cây, năng suất thấp và nhiễm rầy. Sau hai năm thực hiện dự án, cơ cấu trên đã chuyển thành 2 vụ lúa Hè thu và Lấp vụ bằng các giống cao sản, kháng rầy và cho gạo chất lượng cao như IR 62032, IR 64NC, OM 1490, OM 2031, OM 1960, MTL 250, CM 16-27, OMCS98..

Kết quả sản xuất lúa của năm 2000

* Diện tích gieo trồng tăng 63 ha

* Năng suất tăng 10-25% so với năm 1998, bình quân 3,52 tấn/ha.

2. Cũng cố phát triển sản xuất các loại cây màu chiến lược như đậu phộng.

Qua công tác đầu tư vốn và tập huấn kỹ thuật cho nông dân, đã đạt được các thành quả:

Nông dân vùng dự án hiểu biết các tiến bộ kỹ thuật mới mẻ mà ở đồng bằng sông Cửu Long ít có người biết và mạnh dạn ứng dụng.

Đã thử nghiệm thành công bước đầu qui trình bón phân vôi cho đậu phộng

3. Cũng cố phát triển chăn nuôi.

Chương trình nuôi bò lai Sind đã đạt được một số kết quả rất đáng khích lệ. Chỉ sau một năm đầu tư thực hiện dự án đã tạo ra được đàn bò giống tốt góp phần đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp và tăng thu nhập cho nông dân.

4. Tập huấn kỹ thuật cho nông dân và đào tạo công nhân kỹ thuật:

Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu đã thực hiện nhiều cuộc tập huấn gồm nhiều nội dung phục vụ thực tiễn sản xuất với 1500 người tham dự, chủ yếu là

nông dân, có cả cán bộ kỹ thuật của huyện và xã, phát ra 1500 bộ tài liệu các loại.

Trong tất cả những thành quả trên, chúng tôi đặt biệt coi trọng kết quả của các lớp tập huấn, đào tạo. Hiệu quả kinh tế mà các mô hình đạt tới cũng xuất phát từ chỗ nâng cao được kiến thức cho nông dân để tiếp tục phát huy tác dụng của dự án khi dự án kết thúc.

• **Phần kết luận:**

Sau hai năm thực hiện, dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế kỹ thuật rất đáng kể như sau:

1/ **Tăng sản lượng lúa**, chuyển đổi cơ cấu giống mùa vụ, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, bước đầu đã tạo được thu nhập tổng hợp và nâng cao đời sống nông dân, cụ thể là:

- **Về lúa:** Ở điểm dự án sản lượng tăng 100 tấn lúa giống tương đương 280 triệu đồng Việt nam.

- Trong toàn xã tăng 1832 tấn lúa tương đương 2,0152 tỉ đồng Việt nam.

Trong đó cơ cấu giống và mùa vụ đã được chuyển đổi cơ bản.

- **Về cây màu:** Hàng năm trồng được 510 ha.
- **Về chăn nuôi:** Dự án hướng dẫn nuôi bò và phối giống với bò Sind. Đến nay đã có hàng chục hộ đã biết nuôi bò nái, tự sản xuất để nuôi và bán con giống.

2/ Tổ chức được các đợt sinh hoạt hội thảo khoa học kỹ thuật với cán bộ kỹ thuật huyện, tỉnh.

3/ Rút được kinh nghiệm tổ chức và chuyển giao kỹ thuật cho vùng người dân tộc vùng sâu, vùng xa, như kết hợp tập huấn với triển khai sản xuất khảo nghiệm, sử dụng nhiều loại kênh thông tin, tập hợp và hợp tác với địa phương.

BÁO CÁO TỔNG KẾT DỰ ÁN

**ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KỸ THUẬT CẢI THIỆN GIỐNG LÚA VÀ
XÂY DỰNG MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐA DẠNG HÓA SẢN XUẤT NÔNG
NGHIỆP TẠI XÃ MỸ HÒA, HUYỆN CẦU NGANG,
TỈNH TRÀ VINH**

I. Quá trình khảo sát thiết kế xây dựng và bảo vệ dự án:

Từ tháng 3 năm 1998, thực hiện chủ trương của Bộ Trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và môi trường về triển khai chương trình xây dựng mô hình ứng dụng. Khoa học - Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi theo quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14/8/1997, Viện lúa Đồng Bằng Sông cửu long, Sở Khoa học Công Nghệ và Môi trường tỉnh Trà Vinh phối hợp với UBND và phòng nông nghiệp huyện Cầu ngang đã tiến hành khảo sát hiện trạng tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Cầu ngang, trong đó đi sâu nghiên cứu tình hình các xã trong huyện, nhằm xác định các nguyên nhân hạn chế sản xuất và đời sống của vùng đồng bào dân tộc Khmer tại đây để chọn điểm đầu tư. Sau khi xem xét mọi tình hình tại địa phương, xã Mỹ hòa đã được chọn làm thí điểm đầu tiên của dự án tại huyện Cầu ngang. Trên cơ sở đó bản dự thảo dự án **Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Mỹ Hòa, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh** được xây dựng và thông qua chính quyền các cấp cơ sở. Ngày 7 tháng 9 năm 1998, Chủ tịch UBND tỉnh Trà Vinh đã xem xét và ký công văn số 1206/CV-UBT-98 chính thức đề nghị Bộ Khoa học công nghệ và Môi trường xét duyệt để triển khai dự án.

Trên cơ sở đó, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường ra quyết định số 223/QĐ-BKHCNMT thành lập Hội đồng Khoa học và Công nghệ cấp nhà nước xét duyệt thông qua dự án ngày 20/11/1998. Dự án được xét duyệt và

thông qua ngày 30/11/98 tại Hà nội. Sau đó Bộ KHHCNMT ra quyết định số 2140/QĐ-BKHHCNMT ký ngày 5/12/1998 chính thức phê duyệt dự án.

Bộ khoa học công nghệ và môi trường ký hợp đồng số 27-1998/HĐ-DANTMN ngày 14/12/98 để giao cho Sở Khoa học công nghệ môi trường Trà vinh triển khai dự án .

II. Kế hoạch và biện pháp triển khai dự án:

Tháng 1- tháng 5 /1999 : là thời kỳ điều tra khảo sát thu thập các tư liệu cần thiết để chuẩn bị thực hiện dự án. Nhiều đoàn cán bộ của Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu long dưới sự cố vấn của Giáo sư Nguyễn văn Luật đã đến thăm dò chọn điểm cho các mô hình.

Căn cứ nội dung phê duyệt và hợp đồng đã ký với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Viện Lúa Đồng Bằng Sông cửu Long và đơn vị trực tiếp thực hiện là Phòng Bảo vệ thực vật đã trực tiếp làm việc với UBND tỉnh Trà Vinh và các ngành liên quan, tỉnh Trà Vinh, Huyện Cầu Ngang, xã Mỹ hòa rà soát, trao đổi cụ thể và xây dựng văn bản "Kế hoạch và biện pháp triển khai dự án ", trong đó xác định tiến độ tổ chức triển khai thực hiện các nội dung phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Sở Khoa học công nghệ và môi trường Trà vinh đã ký hợp đồng 01/1999/HĐ-DANTMN ngày 20/5/1999 với Viện Lúa đồng bằng sông Cửu long để phối hợp thực hiện dự án.

-Ngày 22 /5 /1999 : khởi động dự án bằng buổi tập huấn cho 30 nông dân tại điểm trình diễn áp Sóc hoang về mô hình nhân giống lúa mới , trình diễn máy sạ hàng , tập huấn cách bón phân theo bảng so màu lá, cung cấp hom giống khoai lang Nhật Bản và đậu phộng DT1...Hợp với Huyện ủy và UBND Huyện Cầu ngang để xác định hoạt động cho Thu đông và Đông xuân 1999.

-Ngày 2/6/1999 : Chuyển giao 200 cây xoài bưởi xuống làm thí điểm mô hình cây ăn trái.

Ngày 12/8/1999 : tiến hành họp với 40 nông hộ để triển khai mục đích yêu cầu dự án, giám định và cho nông dân tiến hành đăng ký để đầu tư các mô hình sản xuất khoán 200 triệu đồng.

Ngày 14/8/1999 : nông dân đã chủ động mua 1000kg lúa giống OM1490 từ viện lúa để thay đổi cơ cấu giống.

- Thành lập ban quản lý dự án theo sự cố vấn của Sở Khoa học , công nghệ và Môi trường tỉnh Trà Vinh, Ban quản lý dự án gồm 8 thành viên, đã cử ra điều phối viên để trực tiếp điều hành triển khai thực hiện dự án. UBND xã đã cử ra một đồng chí lãnh đạo cấp ủy và một đồng chí lãnh đạo UBND xã trực tiếp phối hợp với ban quản lý dự án để tổ chức thực hiện.

- Các tổ chức đoàn thể nông dân, thanh niên là những cộng tác viên đặc lực và hiệu quả trong suốt quá trình tổ chức triển khai dự án.

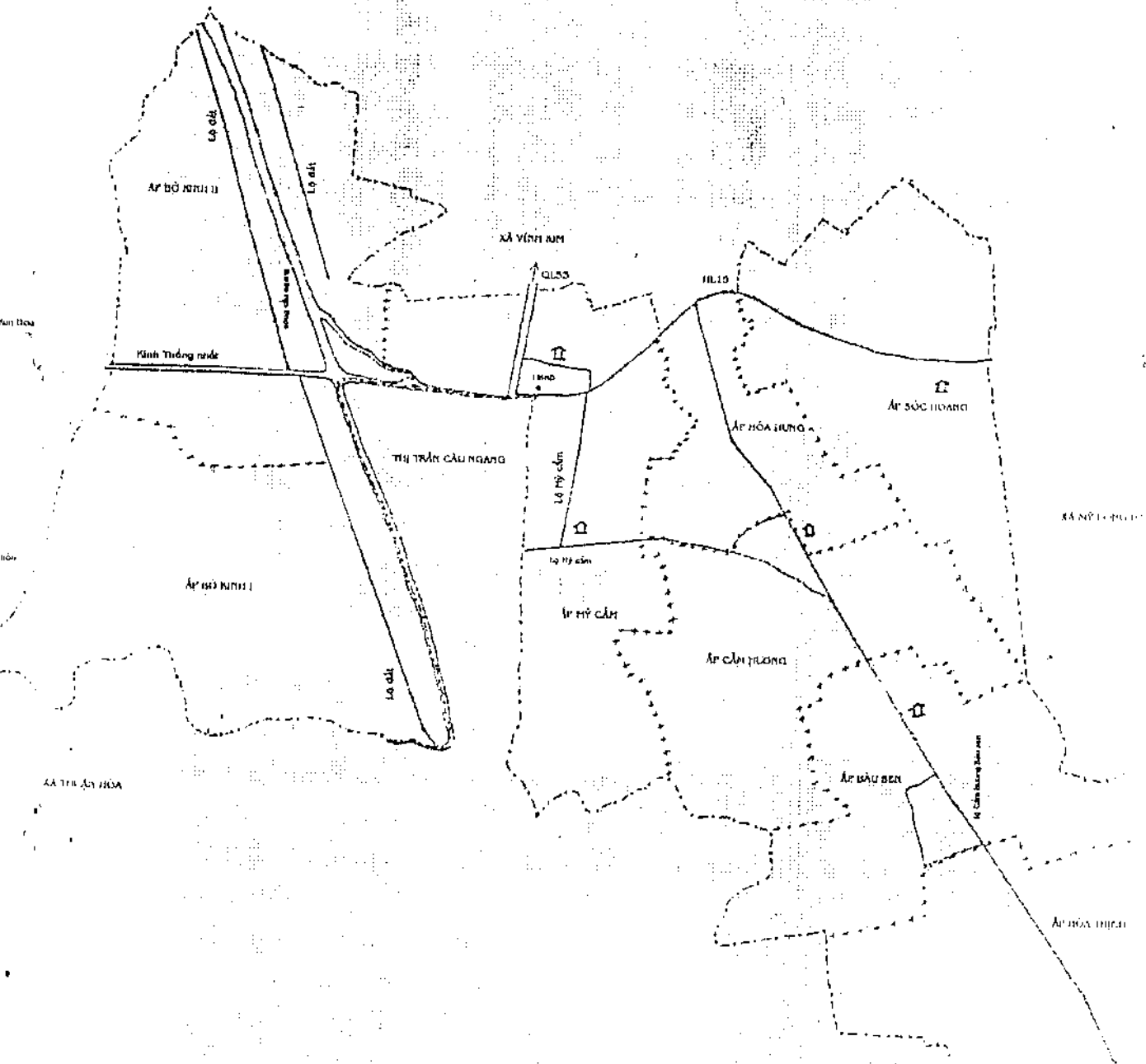
- Các đơn vị chỉ đạo phối hợp thực hiện Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trung tâm giống cây trồng, phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn Huyện Cầu Ngang, Trung tâm khuyến nông tỉnh Trà Vinh tham gia một cách tích cực và hiệu quả vào kế hoạch triển khai biện pháp tổ chức, công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và phương thức hợp đồng đầu tư vốn và vật tư kỹ thuật trực tiếp với nông dân.

Hội nghị triển khai dự án ngày 17 /8/1999 đã được Viện phối hợp với cơ quan địa phương tổ chức với 100 đại biểu Thành phần tham dự có xã, huyện, các cơ quan liên quan cấp tỉnh, cơ quan thông tấn báo chí và đồng bào nông dân khmer trong vùng dự án, công bố mục đích yêu cầu, nội dung, chỉ tiêu của dự án, thành phần Ban quản lý dự án, kế hoạch triển khai đợt 1, hướng dẫn tham quan mô hình khảo nghiệm và sản xuất thử giống lúa mới cũng như điểm trình diễn kỹ thuật sạ hàng.

III. Đặc điểm tình hình trong quá trình triển khai thực hiện dự án:

Xã Mỹ hòa là một xã của huyện Cầu ngang , tỉnh Trà Vinh , trước khi tiến hành dự án, dân số xã có 9565 người, diện tích tự nhiên 1950 ha trong đó diện tích trồng lúa 1300 ha, diện tích chuyên canh màu 257,5 ha. Từ năm 1998 trở về trước, đây là vùng nhiễm phèn, mặn phụ thuộc vào sản

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH XÃ MỸ HÒA



xuất độc canh cây lúa với 1 vụ lúa/năm nhờ nước trời bằng các giống lúa mùa dài ngày cao cây, năng suất bắp bênh có năm gần như thất trắng do nhiễm rầy nâu. Đường sá đi lại rất khó khăn, không có điện thiếu nước sạch, đời sống người dân vô cùng cơ cực, giai đoạn này có 665 hộ nghèo/ 1890 hộ toàn xã, quanh năm suốt tháng sống bằng nghề làm thuê là chính. Từ năm 1998. Huyện Cầu Ngang, cũng như tiểu vùng này, được Nhà nước đầu tư dự án thủy lợi ngọt Nam Măng thít, dẫn nước ngọt về làm giảm độ mặn trong mùa khô, một số tiến bộ kỹ thuật được chuyển giao cho nông dân sản xuất có bước phát triển khá, nhưng lúc bấy giờ cơ bản đời sống bà con nông dân còn nhiều khó khăn.

IV. TÓM TẮT MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN:

1. Mục tiêu của dự án:

1.1 Mục tiêu trực tiếp của dự án

Xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả bằng áp dụng các kỹ thuật tiến bộ về giống, kỹ thuật canh tác kể cả lồng ghép phối hợp với các chương trình quốc gia và ngành khác nhằm chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở địa bàn, nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống người dân. Phần đầu sau 2 năm thực hiện dự án tăng lợi nhuận tổng hợp từ 15-20% cho nông hộ.

1.2 Mục tiêu nhân rộng kết quả các mô hình

Nghiên cứu xây dựng mô hình đa dạng hóa sản xuất trong nông nghiệp có hiệu quả nhằm sử dụng triệt để lao động nông nhân tạo thêm việc làm và nguồn thu nhập mới cho nông dân, tăng thu nhập từ 20% trở lên, phần đầu nâng bình quân thu nhập đầu người lên 200USD và trên cơ sở đó nhân rộng mô hình trong những vùng có điều kiện tương tự như Tiểu cần , Duyên hải, Cầu kè chiếm khoảng 50% diện tích của tỉnh.

1.3 Mục tiêu đào tạo cán bộ , kỹ thuật viên cho địa bàn

Nâng cao một bước trình độ khoa học công nghệ và khả năng tổ chức ứng dụng tiến bộ Khoa học Công nghệ của cán bộ và nông dân dân trong vùng nhất là vùng đồng bào dân tộc Khmer.

2. Nội dung của dự án

3.1 Điều tra khảo sát hiện trạng của vùng dự án để lựa chọn các giải pháp công nghệ cũng như biện pháp kỹ thuật thích hợp trong thời gian làm dự án cũng như sau dự án bằng các phương pháp khoa học như phương pháp đánh giá nông thôn nhanh (Rapid Rural Appraisal (RRA)).

3.2 Xây dựng Mô hình sản xuất giống lúa và lúa hàng hóa có chất lượng gạo cao:

- Tiếp nhận và tổ chức sản xuất các giống mới :
 - + Giống lúa mới : chọn những giống có năng suất ,chất lượng cao, đặc biệt kháng được rầy qua dịch rầy nâu vụ hè thu 1998.
 - + Quy mô thực hiện 1000-2000 m² /giống.
- Nhân lọc giống với kỹ thuật tiến bộ, đạt tiêu chuẩn giống được Viện Lúa ĐBSCL xác nhận để cung cấp cho sản xuất đại trà trong xã:
 - + Tổ chức 5-10 ha mô hình trình diễn; dự án trực tiếp đầu tư và hướng dẫn kỹ thuật. (tăng cường khâu làm đất kỹ (3-4 lần bữa trực), kỹ thuật sạ hàng bằng máy sạ hàng cải tiến (Rotary drum seeder) , bón phân cân đối NPK 80-40-20...)
 - + Nhân rộng cho 80-100 ha sản xuất giống cho xã do các hộ nông dân được hỗ trợ kỹ thuật, tự đầu tư .
- Xây dựng các mô hình sản xuất lúa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu thụ nội địa , có hiệu quả cao trên cơ sở áp dụng các tiến bộ KHKT mới phù hợp :

3.3 Xây dựng Mô hình cơ khí hóa sản xuất lúa và hợp tác sử dụng các máy nông nghiệp, góp phần cho phong trào hợp tác hóa:

- Công cụ máy móc trước và sau thu hoạch:
 - + Trước thu hoạch: máy trục bùn, máy sạ hàng, làm cỏ theo hàng (rotary weeder), máy gặt xếp dây,...
 - + Sau thu hoạch : chủ yếu là sân phơi lều nhựa trắng

3.4 Xây dựng Mô hình đa dạng hóa cây trồng:

- Cây màu: chủ yếu là phát triển các cây trồng mới như đậu phộng giống HTOL, đậu nành và các kỹ thuật canh tác tiến bộ như xen canh, luân canh các cây trồng trên nền đất lúa.

+ Xây dựng 2-3 mô hình kiểu mẫu do dự án trực tiếp đầu tư với quy mô 0,5-1,0 ha.

3.5 Xây dựng Mô hình phát triển chăn nuôi:

- Đầu tư nuôi bò lai Sind để tận dụng phụ phẩm của ngành trồng trọt. Quy mô đầu tư từ 15-20 hộ gia đình tham gia.

3.6 Chuyển giao công nghệ:

- (a). Tập huấn sản xuất lúa giống, sản xuất lúa thương phẩm cho gạo phẩm chất cao, quy trình sản xuất rau an toàn và cây thuốc Nam tự túc, các cây màu và cây công nghiệp (đậu phộng, đậu nành, bắp), chăn nuôi và thủy sản. Dự kiến tổ chức 13-15 lớp tập huấn 500-1000 lượt cán bộ và nông dân nông cốt tham gia.

- (b). Đào tạo nâng cao tay nghề sử dụng một số máy móc nông nghiệp trong phạm vi dự án (máy sạ hàng, máy gặt xếp dây) và tuyển chọn giống lúa (12-15 người) để làm nông cốt trong các hợp tác xã ở địa phương.

- (c). Xây dựng mạng lưới nông dân cộng tác viên và kỹ thuật viên cho dự án.

- (d). In ấn tài liệu khuyến nông đơn giản cho nông dân

- (e). Hội thảo, tham quan các mô hình sản xuất và hợp tác sản xuất có hiệu quả trong phạm vi các tỉnh ĐBSCL hoặc các nơi khác nếu có.

3.7 Tổng kết, đề xuất:

Các báo cáo tiến độ phản ánh kịp thời những kết quả đạt được trong thời gian thực thi dự án; các mô hình sản xuất có hiệu quả của nông hộ hoặc các tổ chức hợp tác trong nông nghiệp và đặc biệt là báo cáo tổng kết sau hai năm thực hiện dự án, trong đó đề xuất các biện pháp chung và những giải pháp khoa học công nghệ, nhằm tác động tích cực vào sự nghiệp phát triển sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

III. Kết quả Khoa Học Công Nghệ cụ thể đã hoàn thành

A. MÔ HÌNH SẢN XUẤT LÚA VÀ PHÁT TRIỂN GIỐNG LÚA MỚI

Vùng dự án thuộc vùng sản xuất lúa nhờ nước trời, chịu ảnh hưởng của nước mặn lợ, nên chỉ sản xuất lúa trong mùa mưa. Việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ chỉ bắt đầu từ năm 1994, tuy nhiên đến năm 1998, 90% nông hộ vẫn còn trồng giống lúa cũ. Do đó thay đổi cơ cấu giống bằng những bộ giống lúa mới ngắn ngày năng suất cao là mục tiêu hàng đầu của dự án. Dự án đã hợp tác với bộ môn Chọn tạo giống của Viện lúa, Trung tâm giống cây trồng Trà vinh và phòng nông nghiệp Cầu ngang để khảo sát và xác định những giống lúa có triển vọng trong vùng dự án, chuẩn bị các giống tốt để chủ động cung cấp số lượng giống nguyên chủng cho vùng dự án. Sau khi đã khảo nghiệm và sản xuất thử bộ giống lúa mới bao gồm: IR64, OM 2031, OM 1490, OMCS 97, OM1960, OM1723-62..trên qui mô diện tích 1.500 m², kết quả cho thấy 2 giống OM 1490 và OM 2031 đã rất phù hợp với đồng đất địa phương.

Bảng 1: Kết quả khảo nghiệm bộ giống lúa mới tại xã Mỹ hòa, huyện Cầu ngang, 1998-1999

Giống lúa	Thời gian sinh trưởng (ngày)		Chiều cao cây (cm)		Năng suất (tấn/ha)	
	Hè thu	Mùa	Hè thu	Mùa	Hè thu	Mùa
OM1490	90	88	88	86	4,02	6,44
OM1960	90	90	90	92	3,29	5,78
OM1723	98	100	95	95	3,03	5,90
OM1643	100	98	90	90	3,07	5,50
OM2031	100	100	98	100	3,67	5,68
IR64	99	98	97	98	3,88	6,32
IR64B	97	95	95	93	3,58	5,56
TNDB	100	99	92	95	3,20	5,61
KDM26	98	95	90	92	3,30	6,61

Vào tháng 8/1999 hơn 100 nông dân đã được hướng dẫn tham quan mô hình khảo nghiệm và sản xuất thử giống lúa mới cũng như điểm trình diễn kỹ thuật sạ hàng.

Đến tháng 9/1999: Giám định xong 80 nông hộ để đầu tư các mô hình , đạt 100% chỉ tiêu, giải ngân toàn bộ 200 triệu đồng đầu tư trực tiếp cho nông hộ để làm 4 mô hình lúa giống, sản phối, bò lai và trồng đậu phộng. Kết quả có 45 hộ tham gia mô hình trồng lúa giống trên diện tích gần 23ha.

Trong vụ lúa mùa 1999, Viện Lúa đã đưa xuống 1 tấn OM 1490 và các nông hộ trong mô hình cũng đã tự mua ở các Trạm trại trong tỉnh để gieo sạ gần 22 ha lúa giống OM 1490 phân bố trên 39 hộ trồng lúa.Năng suất cuối vụ đạt bình quân 3,2 tấn /ha (3.0 -3.5 tấn /ha), như vậy số lượng lúa OM 1490 có vào khoảng 60 tấn, làm tiền đề cho việc mở rộng diện tích trồng giống lúa mới, thay cho các giống lúa cũ.Ngoài ra, một lượng giống OMCS 2000 cũng đã nhân ra khoảng 600kg để chuyển đổi cho bà con nông dân trong vùng.

Cùng thời điểm này, dự án đã liên tục triển khai các lớp tập huấn và trình diễn ,hướng dẫn kỹ thuật phương pháp sạ hàng cho 1000 nông dân (sạ

hàng được 120 kg lúa giống OM 1490, trung bình sạ 6 -8 kg /1.000 m²), sạ lan 410 kg giống OM 1490 (trung bình sạ 20 kg giống/ 1.000m²). Đã đầu tư cho nông dân tự làm 2 cái máy sạ hàng để phục vụ sản xuất.

Trong vụ Hè thu 2000, dự án đã hợp đồng với phòng Nông nghiệp huyện Cầu ngang để triển khai 16 mô hình sản xuất lúa nguyên chủng , sử dụng công cụ sạ hàng, bón phân theo bảng so màu lá lúa.

Đồng thời, đến hết tháng 8/2000, dự án cũng đã đầu tư cho nông dân xã Mỹ hòa 114 tấn giống lúa mới , bao gồm IR 62032, IR 64NC, OM 1490, OM 2031, OM 1960, MTL 250, CM 16-27, OMCS98..

Sau đây là một số thành tựu trong các mô hình sản xuất lúa giống tại xã Mỹ hòa sau 2 năm thực hiện dự án :

Theo số liệu của UBND xã Mỹ hòa và kết quả cuộc điều tra đánh giá dự án cho thấy sự chuyển đổi cơ cấu giống lúa của xã Mỹ hòa thật là kỷ lục với số lượng lúa mới và diện tích giống đạt tiêu chuẩn xuất khẩu đã tăng lên gấp 6 lần với 6 giống chủ lực là OM1490, IR62032 , OM 2031 ,MTL 250, S969B,CM16-27.Thông qua phòngNông nghiệp và PTNT huyện Cầu ngang , dự án đã xây dựng 19 điểm tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật nhân giống lúa mới bao gồm 8 mô hình nhân giống lúa nguyên chủng, mô hình áp dụng máy sạ hàng và 3 mô hình bón phân theo bảng so màu lá với diện tích 3,8 ha. Vùng sản xuất lúa với giống mới đã định hình vào khoảng gần 200ha phân bố tại các ấp Bờ kinh 1, Bờ kinh 2, Mỹ cẩm , Cẩm hương, Hòa thịnh, Hòa hưng, Bàu sen, Sóc hoang..Ước lượng trong năm 2000, toàn xã đã có hơn 1000 ha trồng giống lúa mới, đạt 66,27% diện tích. Về mặt năng suất, theo kết quả điều tra trước và sau dự án cho thấy năng suất lúa trong vùng có khuynh hướng tăng lên vì trong năm 1998 chỉ có 33- 42% nông hộ đạt 3-5tấn/ha, đến năm 2000 tăng lên 57-58% đạt năng suất này. Cụ thể trong vùng sản xuất giống lúa mới, năng suất bình quân là 3,66 tấn/ha với khoảng biến thiên 2,6-6,1 tấn/ha.Trong năm 1999, toàn xã đã có thử nghiệm 4 ha sạ hàng. Trong năm/2000, số liệu điều tra cuối kỳ dự án cho thấy có 1,7% nông hộ áp dụng máy sạ hàng, ước lượng 30 ha. Biện pháp bón phân theo bảng so màu lá đã được phổ biến trong các buổi tập huấn cùng với quà tặng là 100 bảng so màu cho các câu hỏi hay câu trả lời hay củ các bác nông dân. Các biện pháp này

đã giúp cho nông dân giảm được giá thành do tiết kiệm giống, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh một cách có hiệu quả kinh tế. Giống mới đã mang lợi nhuận vào khoảng 1,4 triệu đồng /ha , tức cao hơn 0,5 triệu đồng/ha so với lợi nhuận từ giống lúa cũ. Kết quả cụ thể được trình bày trong các bảng 7-10.

Bảng 2: Tiến độ phát triển sản xuất lúa toàn xã Mỹ Hòa , giai đoạn 1998-2000

Chỉ tiêu	1998	1999	2000	Tăng/Giảm
	(1)	(2)	(3)	(2-1)+(3-1)
Diện tích canh tác (ha)	1300,00	1300,00	1300,00	0,00
Diện tích gieo trồng (ha)	1842,00	1947,00	1800,00	63,00
Hệ số tăng vụ (%)	142	150	139	5
Năng suất (tấn /ha)	3,0	3,20	3,70	0,90
Sản lượng (tấn)	5526,00	6234,40	6650,00	1832,00

(Nguồn: UBND xã Mỹ Hòa và kết hợp số liệu điều tra)

Bảng 3. Chuyển đổi cơ cấu giống lúa toàn xã Mỹ Hòa, giai đoạn 1998-2000 (%)

GIỐNG LÚA	Năm 1998	Năm 2000
OM1490	2,50	26,60
OM2248	0,00	1,48
OM1960	0,00	1,48
OM2031	0,00	10,61
IR62032	0,00	14,28
M7L250	0,00	5,90
M7L 149	4,82	0,00
CM16-27	0,00	2,66
OMCS98	0,00	0,74
Tài nguyên DB	0,00	0,36
OMCS2000	0,00	0,54
IR50404	0,00	0,36
S969B	0,00	2,16
IR64	1,25	0,36
mới (không biết tên)	2,29	0,00
Giống mới	10,86	66,27
CL8	45,00	20,42
NN8	15,20	6,05
Trắng tếp	9,64	3,48
Sỏi	10,70	3,42
Lem bụi	1,78	0,54
Nàng lai	3,25	0,00
AN	3,57	0,00
Giống cũ	89,14	33,73

Bảng 4: Chi tiết về cơ cấu giống lúa tại Mỹ hòa, năm 2000.*

GIỐNG LÚA	MÔ HÌNH LÚA		MÔ HÌNH KHÁC (BÒ, MÀU, SÂN PHOI)		NGÒAI. MÔ HÌNH		TỔNG CỘNG CHUNG		ƯỚC LƯỢNG TOÀN XÃ
	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Diện tích (ha/năm)
OM1490	28,89	7,00	25,00	5,50	25,90	39,83	26,60	52,33	478.73
OM2248	4,44	1,80	0,00	0,00	0,00	0,00	1,48	1,80	26.67
OM1960	4,44	0,85	0,00	0,00	0,00	0,00	1,48	0,85	26.67
OM2031	4,44	2,25	18,75	6,30	8,63	18,39	10,61	26,94	190.97
IR62032	8,89	4,00	6,25	1,65	27,70	65,50	14,28	71,15	257.02
M11L250	6,67	2,60	3,13	0,80	7,91	13,05	5,90	16,45	106.23
CM16-27	2,22	2,20	0,00	0,00	5,76	8,67	2,66	10,87	47.87
OMCS98	2,22	1,20	0,00	0,00	0,00	0,00	0,74	1,20	13.33
Tài nguyên DB	0,00	0,00	0,00	0,00	0,72	1,30	0,36	1,30	6.47
OMCS2000	0,00	0,00	0,00	0,00	1,08	1,50	0,54	1,50	9.71
IR50404	0,00	0,00	0,00	0,00	0,72	0,60	0,36	0,60	6.47
S969B	0,00	0,00	0,00	0,00	4,32	10,10	2,16	10,10	38.85
IR64NC	0,00	0,00	0,00	0,00	0,72	1,30	0,36	1,30	6.47
Giống mới	62,22	21,90	53,13	14,25	83,45	160,24	66,27	196,39	1192.80
CL8	26,67	14,00	28,13	15,25	6,47	13,38	20,42	42,63	367.60
NN8	4,44	1,90	9,38	3,51	4,32	6,34	6,05	11,75	108.82
Trắng tếp	4,44	3,60	3,13	0,20	2,88	5,28	3,48	9,08	62.68
Sỏi	2,22	1,00	6,25	1,80	1,80	1,84	3,42	4,64	61.62
Lem bụi		0,00	0,00	0,00	1,08	4,20	0,54	4,20	9.71
Giống cũ	37,78	20,50	46,88	20,76	16,55	31,04	33,73	72,30	607.20
Tổng	100,0	42,40	100,00	35,00	100,00	191,28	100,00	268,68	1800.00
	0								

*Số liệu thống kê từ cuộc điều tra 300 nông hộ

Bảng 5: Biến động về năng suất lúa tại xã Mỹ hòa , giai đoạn 1998-2000 (%).

Năng suất (tấn/ha)	Vụ Hè thu		Vụ Mùa	
	1998	2000	1998	2000
1->2	22.50	29.27	44.82	24.56
2->3	32.50	12.20	31.03	17.54
3->4	30.00	21.95	10.34	26.32
4->5	10.00	26.83	10.34	26.32
>5	2.50	9.76	3.44	5.26

Bảng 6: Chi tiết về tình hình năng suất của các giống lúa tại Mỹ hòa năm 2000 (tấn/ha).

Giống lúa	Vụ Hè thu		Vụ Mùa		Năng suất Bình quân
	Trong mô hình	Ngoài mô hình	Trong mô hình	Ngoài mô hình	
OM 1490	3,27 (2,3-4,0)	4,10 (2,4-5,6)	2,57 (2,0-4,3)	4,05 (3,0-5,0)	3,50
OM2031	2,00	3,93 (3,2-4,0)	2,02 (1,08-2,60)	4,15 (3,5-4,6)	3,03
CM 16-27	2,00	5,00 (4,0-6,0)	*	4,00	3,66
IR62032	2,00	2,83 (0,6-4,0)	2,30 (0,6-4,0)	2,75 (0,6-4,4)	2,47
IR 50404	*	6,60	*	5,60	6,10
MTL 250	*	*	1,88 (1,16-2,60)	3,50 (2,0-5,0)	2,69
OM1960	3,60	*	3,60	*	3,60
OMCS98	3,20	*	*	*	3,20
OM2248	*	*	4,00	*	4,00
Tài nguyên ĐB	*	3,00	*	6,60	4,80
Bình quân/giống mỗi					3,70
Cứu long 8	2,90 (1,0-4,0)	3,37 (2,0-5,0)	2,68 (2,0-3,6)	4,06 (3,6-4,0)	3,25
Nông nghiệp 8	1,00	4,00	1,50 (1,0-2,0)	4,24 (3,0-6,0)	2,68
Sồi	*	3,60	2,00 (2,0-3,0)	3,73 (4,0-4,8)	3,11
Trắng tếp	3,60	4,00	3,54 (3,0-4,0)	3,18 (1,4-4,1)	3,58
Lên bụi	*	*	*	3,20	3,20
BQ/giống cũ					3,16
Bình quân chung					3,52

* Không ghi nhận

Bảng 7 : So sánh hiệu quả kinh tế của việc sản xuất giống lúa cũ và giống lúa mới (đồng/ha)

Chi phí sản xuất	Giống cũ (CL8..)	Giống mới (OM 1490, OM 2031..)	Chênh lệch
I. Tổng chi phí	3060515	3182500	121985
- Làm đất	450000	450000	0
- Giống	158282	364610	206328
-Phân bón	1487000	1452240	-34760
- Thuốc bảo vệ thực vật	336800	277630	-59170
- Công chăm sóc	215433	218370	2937
- Thu hoạch	413000	419650	6650
II Tổng thu	3950000 (3160kgx 1250đ)	4625000 (3700kg x 1250đ)	675000
III. Lợi nhuận	889485	1442500	553015
IV.Chỉ số Lãi/Chi	0,29	0,45	0,16

Kết quả xây dựng các mô hình trình diễn ứng dụng các tiến bộ Khoa Học Kỹ Thuật trên cây lúa ở xã Mỹ Hòa

1. Mô hình giống lúa nguyên chủng :

- Số lượng : 8 mô hình /8 ấp (Bàu Sen, Cẩm Hương, Hòa Hưng, Hòa Thịnh, Sóc Hoang, Mỹ Cẩm , Bồ Kinh 1, Bồ Kinh 2).
- Qui mô : 1000m² / mô hình .
- Loại giống : CM 16-27, IR 62032, OM 2031
- Thời vụ : Vụ Thu Đông năm 2000.
- Công thức phân bón kg/ ha : 150 kg Urê + 100kg DAP + 30kg Kali.
- Chỉ tiêu theo dõi : Sâu bệnh , năng suất thu hoạch.

- Kết quả như bảng sau:

Bảng 8: Năng suất của các mô hình nhân giống lúa nguyên chủng

Số TT	Địa điểm áp	Diện tích (ha)	Giống	Năng suất (tấn /ha)
1	Bàu Sen	0.1	IR 62032	4,0
2	Cắm Hương	0.1	CM 16-27	4,5
3	Hòa Hưng	0.1	OM 2031	4,5
4	Hòa Thịnh	0.1	CM 16-27	4,0
5	Sóc Hoang	0.1	CM 16-27	4,2
6	Mỹ Cẩm	0.1	IR 62032	4,2
7	Bờ Kinh 1	0.1	CM 16-27	Bị thiệt hại
8	Bờ Kinh 2	0.1	CM 16-27	Bị thiệt hại
Tổng cộng		0.8		4,0- 4,5

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ :

Mô hình sản xuất lúa nguyên chủng ở xã Mỹ Hòa trong vụ Thu Đông 2000 vừa qua nhìn chung đạt kết quả tốt (Trừ hai mô hình ở Bờ Kinh 1 và Bờ Kinh 2, không thu được kết quả do ảnh hưởng của phèn). So với các giống sản xuất tại địa phương CL8, thì các giống lúa nguyên chủng có phần vượt trên (giống CM 16-27, OM2031, IR 62031) như : Độ đồng đều cao, ít bị nhiễm sâu bệnh nhất là rầy nâu, chịu phèn tốt, cứng cây ít bị đổ ngã và cho năng suất xuất hơn hẳn các giống của nông dân. Kết quả trung bình đạt 4,0 - 4,5 tấn /ha so với các giống của nông dân như Cửu Long 8 chỉ đạt từ 3 - 3,5 t/ha. Qua kết quả này , giống lúa mới rất được sự quan tâm của nông dân trong vùng, đề nghị tiếp tục nhân rộng đại trà ở các vụ sau. Bên cạnh đó nhằm cung ứng kịp thời các giống lúa mới đảm bảo đủ chất lượng cho bà con nông dân trong sản xuất, đề nghị hình thành các tổ, điểm sản xuất các giống lúa xác nhận từ giống lúa nguyên chủng của các Viện, trường để tăng năng suất phẩm chất gạo và tăng thu nhập cho nông dân.

2. Mô hình sạ lúa theo hàng :

- Số lượng : 8 mô hình /8 ấp (Bàu Sen, Cẩm Hương, Hòa Hưng, Hòa Thịnh, Sóc Hoang, Mỹ Cẩm, Bồ Kinh 1, Bồ Kinh 2).
- Qui mô : 2000m² / mô hình (trong đó sạ lan 1000m²
- Loại giống : CM 16-27, IR 62032, OM 2031, OM1490
- Lượng giống : 10kg/1000m² cho sạ hàng, 20kg/1000m² cho sạ lan
- Thời vụ : Vụ Thu Đông năm 2000.
- Công thức phân bón / ha : 150Urê + 100DAP + 30 KCl
- Chỉ tiêu theo dõi : Sản lượng, năng xuất thu hoạch.
- Kết quả như bảng sau:

Bảng 9 : So sánh năng suất của các mô hình sạ bằng máy sạ hàng

Số TT	Địa điểm ấp	Diện tích(Ha)		Giống	Năng suất (tấn /ha)	
		Sạ hàng	Sạ lan		Sạ hàng	Sạ lan
1	Bồ Kinh 1	0,1	0,1	CM 16-27	3,9	3,5
2	Bồ Kinh 2	0,1	0,1	CM 16-27	3,9	3,5
3	Hòa Hưng	0,1	0,1	OM 1490	3,9	3,5
4	Hòa Thịnh	0,1	0,1	OM 2031	3,9	3,5
5	Bàu Sen	0,1	0,1	CM 16-27	3,9	3,5
6	Sóc Hoang	0,1	0,1	IR 62032	3,9	3,5
7	Cẩm Hương	0,1	0,1	CM 16-27	3,9	3,5
8	Mỹ Cẩm	0,1	0,1	IR 62032	3,9	3,5
Tổng cộng		0,8	0,8	Bình quân	3,9	3,5
Thu nhập					4875000	437500

Đánh giá kết quả :

Trong thời gian sản xuất, đầu vụ mới gieo sạ bị mưa ngập trên 20 ngày, sau bị nắng kéo dài, đất đai bị phèn nên trong giai đoạn này cây lúa có phát triển nhưng chậm. Tuy nhiên nhờ có điều kiện bơm tát nên vẫn đảm bảo cho kết quả tốt (trừ các mô hình ở vùng đất bị nhiễm phèn ở khu vực ảnh hưởng cống đập Chà Và và bị thiệt hại không cho thu hoạch). Qua theo dõi về tình

hình sâu bệnh , chúng tôi đã ghi nhận có bệnh đạo ôn cổ bông xuất hiện rải rác trên giống lúa OM1490, tuy nhiên mức độ gây hại không đáng kể, năng suất trung bình ở các mô hình đạt 3,9 tấn /ha, so với phương pháp sạ lan là 3.5 tấn /ha (năng suất ở các địa phương sạ lan thấp hơn là vì vào giai đoạn trở bị đổ ngã khoảng 20-30% , làm gia tăng tỉ lệ lép).

Nếu so sánh về hiệu quả kinh tế thì phương pháp sạ hàng chi phí đầu tư sản xuất thấp hơn sạ lan là 300.000đ- 500.000đ/ha, nhưng lại cho thu nhập cao hơn 500000đ/ha , do đó đã mang lại hiệu quả cao hơn, từ 800000đ đến 1 triệu đồng.

Tóm lại, mô hình sạ hàng đã tiết kiệm chi phí sản xuất về giống, hạn chế được sâu bệnh rất nhiều, cây lúa ít bị đổ ngã và năng suất tương đương hoặc hơn phương pháp sạ lan. Đề nghị nhân rộng mô hình trong các vụ tới, nhất là đưa vào sản xuất trong hệ thống xen canh lúa - nuôi trồng thủy sản .

3. Mô hình bón phân đạm theo bảng so màu:

- Số lượng : 3 mô hình /3 ấp (Bàu Sen, Cẩm Hương, Hòa Thịnh.
- Qui mô : 1000m² / mô hình
- Loại giống : CM 16-27, IR 62032, MTL250
- Thời vụ : Vụ Đông Xuân năm 2000.
- Công thức phân 1000m² sẽ bón theo bảng so màu lá lúa và 1000m² sẽ bón theo liều lượng sử dụng của nông dân : 170 kgUrê + 100DAP + 50kg Kali.
- Biện pháp canh tác : áp dụng theo phương pháp sạ lan với lượng giống 20 kg/ 1000m² .

- Kết quả như bảng sau:

Bảng 10 : Mô hình bón phân theo bảng so màu lá

Chỉ tiêu	Ấp Hòa Thịnh	Ấp Cẩm Hương	Ấp Bàu Sen
Diện tích (ha)	0.1	0.1	0.1
Giống	MTL250	IR 62032	CM16-27
TGS (ngày)	95-100	95-100	100-105
Urê (kg/ha)	140	140	140
DAP(kg/ha)	100	100	100
KCL(kg/ha)	50	50	50
Tổng chi phí phân bón (đ)	829000	829000	829000
Năng suất (tấn/ha)	3.9	3.9	3.9

Bảng 11: Kết quả bón phân theo liều lượng của nông dân

Chỉ tiêu	Ấp Hòa Thịnh	Ấp Cẩm Hương	Ấp Bàu Sen
Diện tích (ha)	0.1	0.1	0.1
Giống	MTL250	IR 62032	CM16-27
TGS (ngày)	95-100	95-100	100-105
Urê(kg/ha)	170	170	170
DAP(kg/ha)	100	100	100
KCL(kg/ha)	50	50	50
Tổng chi phí phân bón (đ)	907000	907000	907000
Năng suất (tấn/ha)	3.5	3.5	3.5

+ **Kết luận** : Bón phân đậm theo bảng so màu lá lúa so với cách bón phân của nông dân đã tiết kiệm được một lượng phân là 30 kg urea/ha tương đương 120.000đồng/ha. Bên cạnh đó theo phương pháp bón này còn giúp cho cây lúa trong suốt thời gian sinh trưởng không bị dư thừa đạm nên cây lúa ít bị đổ ngã, sâu bệnh gây hại cũng ít tấn công, tăng tỉ lệ hạt chắc, gia

tăng năng suất và phẩm chất của sản phẩm. Thu nhập của mô hình bón phân theo bảng so màu lại tăng 500000đ/ha. Do đó , lợi nhuận tăng thêm vào khoảng 620000 đ/ha. Đề nghị tiếp tục nhân rộng mô hình này cho các vụ tới

-Tom lại, về hiệu quả kinh tế so với trước khi có dự án này , điểm dự án Mỹ hoa chỉ sản xuất được 1 vụ mùa 1842 ha bằng giống lúa Sồi, CL8 , sản lượng toàn điểm 5526 tấn lúa. Sau khi chuyển đổi cơ cấu giống thay giống lúa địa phương bằng trên 10 giống lúa mới với sản lượng là 6650 tấn , tăng 1832 tấn sau hai năm triển khai dự án.

Đối với toàn xã Mỹ hòa , từ kết quả sản xuất của điểm dự án Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải thiện giống lúa và xây dựng một số mô hình đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp tại xã Mỹ Hòa, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Trà Vinh nhân dân đồng tình với chỉ đạo của địa phương hưởng ứng nhân rộng kịp thời các kết quả đó đã làm thay đổi lớn cả về cơ cấu giống cũng như cơ cấu mùa vụ trong toàn xã như sau:

Sản lượng toàn xã năm 2000 tăng 1124 tấn so năm 1998. Như vậy trong hai năm 1999-2000 tăng thêm 1832 tấn lúa tương đương 2,052 tỉ đồng , tốc độ tăng sản lượng trung bình mỗi năm trong hai năm qua là: 916tấn lúa/năm . Đây là con số có ý nghĩa lớn đối với sự tăng trưởng kinh tế của một xã vùng nông thôn sâu.

Hiệu quả sản xuất lúa ở điểm dự án và toàn xã không chỉ dừng lại ở :

- Chuyển đổi cơ cấu giống lúa
- Chuyển đổi cơ cấu mùa vụ
- Tăng diện tích gieo trồng, tăng vụ
- Tăng năng suất. . .

Mà còn thể hiện ở hiệu quả lợi nhuận cao hơn vào khoảng hơn 1 triệu đồng /ha do giảm chi phí sản xuất khoảng 420.000 -620.000đ/ha do áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác hợp lý như sạ hàng, bón phân theo bảng so màu, năng suất và chất lượng lúa gạo cũng gia tăng vào khoảng 500000đ/ha .

Như vậy so với mục tiêu trên dự án đề ra, chương trình phát triển các giống lúa mới đã tạo ra các kết quả vượt bậc.

B. Mô hình sản xuất rau màu và đa dạng hóa sản xuất :

Trong vụ Đông xuân 1999 , dự án đã đưa thử nghiệm 8 kg giống đậu phộng DT 1, khoai lang nhật bản , bước đầu các giống phát triển tốt. Trong vụ Đông Xuân 1999-2000, 14 nông hộ được đầu tư của dự án trong mô hình trồng đậu phộng đa đồng loạt xuống giống trên diện tích 7 ha, áp dụng đúng kỹ thuật sản xuất như bố trí đúng thời vụ, làm đất kỹ, gieo hạt thưa, chăm sóc bón phân đúng liều lượng. Các mô hình này là chất môi để thúc đẩy quá trình đa dạng hóa sản xuất của toàn xã Mỹ hòa, với kết quả sau 2 năm thực hiện dự án như sau :

* Tốc độ phát triển của diện tích trồng màu đã tăng lên 7% trong năm 1999 và tăng 30% vào năm 2000 khi so với năm 1998. Diện tích màu của Mỹ hòa đã đạt 551 ha vào năm 2000, tức là gấp 2,3 lần so với năm 1998. Bảng 11 đã phân tích sự chuyển đổi hệ thống canh tác toàn xã Mỹ hòa, tỷ lệ độc canh lúa đã giảm 16,66%, tỷ lệ 2Lúa + 1Màu đã tăng lên 13%, tỷ lệ trồng cây ăn trái đã tăng 3,4%, 2Lúa + 2màu tăng 6,78%, 2Lúa + 3màu tăng 3,39%. Bảng 11 ghi nhận cơ cấu cây màu như sau : Bắp chiếm 4,75%, Đậu phộng chiếm 16,55%, trong đó có gần 1ha trồng giống đậu phộng mới DT 1 với năng suất 4,2 tấn /ha. Rau cải (rau muống, ngò, cà tím, cà chua, khổ qua, đậu đũa, đậu que ,hành lá) chiếm tỉ lệ 14,31%, mía chiếm tỉ lệ 0,9%, khoai lang chiếm 1,86%. Như vậy, cây màu có tỷ trọng 30% diện tích toàn xã, ước tính vào khoảng 540ha vào cuối kỳ dự án. Phân tích tình hình tài chính nông hộ trong năm 2000 cho thấy độc canh cây lúa thì thu nhập rất thấp (3,3-3,8 triệu đồng/năm), bình quân thu nhập đầu người chỉ đạt 2,56 _ 3,28 triệu đồng/năm (176-226 USD/năm). Phần lớn các nông hộ có luân canh, tăng vụ rau màu đều có lợi nhuận (4-7 triệu đồng /năm) và thu nhập bình quân /người cao hơn (3,0-4,6 triệu đồng /năm= 206-316 USD/năm). Vì vậy ,mô hình đa canh có hiệu quả kinh tế cao nhất là 2Lúa +CAT và 2Lúa +2Màu. Một vấn đề cần lưu ý là mức đầu tư của nông dân rất cao nhất là về phân bón , cho nên hiệu quả kinh tế không cao vì chi phí sản xuất tăng cao. Tuy nhiên, các mô hình trồng màu đều cho lợi nhuận cao gấp 3-6 lần so với trồng lúa, với chỉ số Lãi/chi = 1-12, tức là hiệu quả của đồng vốn cao gấp 2-24 lần so

với trồng lúa. Trong vụ Xuân hè 2000, dự án đã bố trí 2 mô hình bón vôi cho đậu phộng, kết quả năng suất đạt 4,8 tấn /ha, so với năng suất bình quân của đậu phộng là 2,2 tấn/ha, có nghĩa là sản lượng tăng gấp đôi nhờ kỹ thuật bón vôi. Về rau cải, tuy chưa xây dựng được vườn rau thuốc nam theo kế hoạch dự án đã đề ra do điều kiện nước tưới khó khăn, nhưng trong mô hình đã có gần 1 ha trồng rau với các loại rau muống, ngò, cà tím, cà chua, khổ qua, đậu đũa, đậu que, hành lá, trong đó mô hình trồng đậu que có mức lợi nhuận rất cao 8,3 triệu đồng /ha. Về **cây ăn trái**, trong năm 1999, dự án đã chuyển về địa phương 200 cây xoài bưởi vì theo khảo sát hiện nay cho thấy giống xoài này có thể phù hợp với điều kiện địa phương. Nông dân vùng dự án rất ít người trồng cây ăn trái, cho nên việc chọn loài cây trồng thích hợp và vận động được phong trào trồng cây lâu năm sẽ rất có ý nghĩa về mặt đời sống và môi trường. Hiện nay đã có khoảng 50 ha vườn cây ăn trái trồng nhãn, xoài, sả, thông qua phong trào cải tạo giống tạp tại địa phương. Tóm lại, so với năm 1998, thu nhập bình quân đầu người của nông hộ đã tăng từ 170USD/năm lên 223 USD/năm nhờ vào đa dạng hóa sản xuất và giảm chi tiêu những cái không hợp lý và thu nhập bình quân /ha đạt 23triệu 728 đồng đã tăng 146% so với năm 1998 (chỉ đạt 8 triệu 93 đồng).

Bảng 12 : Tiến độ phát triển sản xuất màu toàn xã Mỹ Hòa, giai đoạn 1998-2000

Chỉ tiêu	1998	1999	2000	Tăng/Giảm
	(1)	(2)	(3)	(2-1)+(3-1)
Màu thực phẩm (ha)	81,3	107,5	322,5	267,4
Màu lương thực (ha)	94,0	80,2	162,5	54,7
Màu công nghiệp (ha)	60,3	64,3	66,0	9,7
Tổng cộng (ha)	235,6	252,0	551,0	331,8

(Nguồn: UBND xã Mỹ Hòa)

Bảng 13: Chuyển đổi hệ thống canh tác của toàn xã Mỹ hòa , giai đoạn 1998-2000

Hệ thống canh tác	Năm 1998	Năm 2000
1Lúa	15,0	25,42
2Lúa	52,5	25,42
Cộng	67,5	50,84
2Lúa + 3Màu	2,5	3,39
2Lúa + 1Màu	12,5	25,42
1Lúa + 1Màu	7,5	10,17
2Lúa + 2Màu	0,0	6,78
1Lúa + Cây ăn trái	0,0	1,70
1Lúa + 1Màu + Cây ăn trái	0,0	1,70
1Lúa + 2Màu	7,5	0,0
2Lúa + Cây ăn trái	2,5	0,0
Cộng	32,5	49,16

Bảng 14 : Chi tiết về cơ cấu cây màu trên toàn xã Mỹ hòa , năm 2000.*

CÂY TRỒNG	TRONG MÔ HÌNH		NGÒAI MÔ HÌNH		TỔNG CỘNG CHUNG			ƯỚC LƯỢNG TOÀN XÃ
	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Diện tích (ha/năm)
Bắp nếp	5,55	0,75	3,95	0,64	4,75	1,39	1,17(0,7-1,5)	85,50
Dậu phộng	20,37	4,50	12,72	4,50	16,55	9,00	2,22(1,6-5,8)	297,90
Rau cải	18,51	0,85	10,10	1,95	14,31	2,80	6,50	257,58
Mía	0,00	0,00	1,80	0,75	0,90	0,75	28,0	16,20
Khoai lang	3,71	1,45	0,00	0,00	1,86	1,45	15,0	33,48
Tổng cộng	48,14	7,55	11,90	7,84	30,02	15,39		540,36

*Thống kê từ điều tra 228 nông hộ.

Bảng 15 : Tình hình tài chính của các mô hình đa dạng sản xuất tại Mỹ hòa, năm 1998 (x1000đồng/năm)+

MÔ HÌNH	THU CHI	LÃI	Thu Nhập BQĐN	Thu BQ/ha	Chi BQ/ha	Lợi Nhuận BQ/ha	Lợi Nhuận /Chi phí
1L	14205.3	20737.1	-6531.8	3060.5	8714.9	12722.1	-4007.2
2L	12789.5	22701.8	-9912.2	2615.9	12180.5	21620.7	-9440.2
1L+1M	8118	14482.3	6364.3	1637.5	7731.4	13792.7	-6061.2
1L+2M	17433.3	21386.6	-3953.3	4051.7	14173.4	17387.5	-3214.0
2L+1M	14689.2	13040.8	1649.4	3100.8	8298.9	7367.6	931.8
2L+1CAT	9590	11400	-1810	1918.0	6069.6	7215.1	-1145.5
2L+3M	8600	9630	-1030	1228.75	5341.6	5981.3	-639.7
Bình quân	12203.6	16196.9	-3993.1	2516.187	8930.0	12298.2	-3368.0

L= Lúa; M=Màu; CAT=Cây ăn trái

Bảng 16: Tình hình tài chính của các mô hình đa dạng sản xuất tại Mỹ
hòa, năm 2000 (x1000đồng/năm)+

MÔ HÌNH	THU	CHI	LÃI	Thu Nhập BQĐN	Thu BQ/ha	Chi BQ/ha	Lợi Nhuận BQ/ha	Lợi Nhuận /Chi phí
1 Lúa	13785.3	9965.4	3819.9	2556.5	22034.4	13261.6	8772.8	0.47
2 Lúa	15171.6	11859.4	3312.2	3283.6	22541.4	16673.2	5868.1	0.23
1 Lúa+1 Mầu	14854.5	9686.5	5168.0	3018.2	37646.5	25590.3	12056.2	0.52
1 Lúa+CAT*	5136.0	4237.0	899.0	1248.0	17120.0	14123.3	2996.6	0.21
1 Lúa+1 Mầu+CAT	27258.0	16903.0	10355.0	3407.2	10903.2	6761.2	4142.0	0.61
2 Lúa+1 Mầu	21797.5	17799.2	3998.2	3802.6	33316.8	26119.4	7197.4	0.28
2 Lúa+1 CAT	19131.8	10856.0	8275.8	3965.3	19070.7	10699.3	8371.4	0.74
2 Lúa+2 Mầu	20986.0	14166.0	6819.9	3297.6	31110.0	20114.8	10995.1	0.73
2 Lúa+3 Mầu	13869.0	8543.0	5326.0	4623.0	19812.8	12204.2	7608.5	0.62
Bình quân	16887.7	11557.2	5330.4	3244.7	23728.4	16171.9	7556.4	0.49

+ Thống kê từ điều tra 60 nông hộ. * CAT chưa thu hoạch rộ

Bảng 17: Mức đầu tư vật tư trong một vụ cho các mô hình lúa và mầu, xã
Mỹ hòa, năm 2000.

Chỉ tiêu	LÚA	MÀU
N (kg /ha)	120.59	92.24
P ₂ O ₅ (kg /ha)	54.41	53.54
K ₂ O (kg /ha)	25.86	39.51
Thuốc Cỏ (kg ai/ha)	0.43	0.06
Thuốc Sâu (kg ai/ha)	0.45	0.55
Thuốc Bệnh (kg ai/ha)	0.17	0.21

Bảng 18 : Hiệu quả kinh tế của các cây màu

Chi phí sản xuất	Đậu phong	Bắp	Đậu que	Khoai lang
I. Tổng chi phí	4801309	3782083	690000	1364000
- Lạm đất	368415	*	*	480000
- Giống	1693198	435000	400000	240000
- Phân bón	1408818	2737083	210000	644000
- Thuốc bảo vệ thực vật	474033	610000	80000	*
- Công chăm sóc	405941	*	*	*
- Thu hoạch	450904	*	*	*
II. Tổng thu	9974580	1087000 0	9000000	6000000
III. Lợi nhuận	5173271	7087917	8310000	4636000
IV. Chỉ số Lãi/Chi	1,08	1,87	12,04	3,39

* công nhà

D. Mô hình Cải thiện đàn bò địa phương

Với đàn bò bình quân 600 con trước khi vận hành dự án, trong đó có 50% bò lai Sind, chủ trương của dự án là tiếp tục đẩy mạnh việc Sind hóa đàn bò địa phương, ít nhất cũng đạt tỉ lệ 70-80% trong cuối kỳ dự án. Tiếp tục thực hiện các biện pháp sử dụng lao động nông nhân, tạo thêm nguồn thu nhập cho nông hộ đồng thời xây dựng được nền nông nghiệp đa dạng cho huyện Cầu ngang, trong năm 1999, dự án đã đầu tư cho 15 nông hộ tiền mua bò giống và tiền gieo tinh bò lai Sind, bà con đã tập trung mua bò trong khoảng thời gian từ ngày 7/9 /1999 đến 25/11/99 thì hoàn tất với 27 con bò ta và 1 con bò lai Sind. Đến thời điểm tháng 8/2000, 100% số bò

của mô hình nuôi bò lai Sind đã được phối giống. Sau 2 năm thực hiện dự án, đàn bò của xã Mỹ hòa đã phát triển với tốc độ tăng 52% trong năm 1999 và tăng 65% trong năm 2000 nếu so với năm trước thời kỳ dự án 1998. Trong số đó đàn bò lai Sind đã tăng 61,4% năm 1999 và tăng 139% năm 2000. Kết quả này cũng rất phù hợp với số liệu ghi nhận từ cuộc điều tra nông hộ vừa qua (bảng 15), tỉ trọng đàn bò lai Sind đã chiếm 58,2%.

Bảng 19 : Tiến độ phát triển đàn bò toàn xã Mỹ Hòa , giai đoạn 1998-2000

Chỉ tiêu	1998	1999	2000	Tăng/Giảm
	(1)	(2)	(3)	(2-1)+(3-1)
Bò địa phương	293	418	257	89
Bò Lai Sind	311	502	744	642
Tổng cộng (con/năm)	604	920	1001	713

(Nguồn: UBND xã Mỹ Hòa)

Bảng 20: Chi tiết về cơ cấu đàn bò trên toàn xã Mỹ hòa , năm 2000.*

CHỈ TIÊU TRONG MÔ HÌNH	NGÒAI MÔ HÌNH		TỔNG CỘNG CHUNG		ƯỚC LƯỢNG TOÀN XÃ	
	Tỷ lệ (%)	Đầu con	Tỷ lệ (%)	Đầu con	Tỷ lệ (%)	Đầu con/năm
Bò địa phương	14,8	23	9,3	39	12,1	62
Bò Lai Sind	50,0	59	42,2	73	46,1	131
Tổng cộng (con/năm)	64,8	82	51,5	112	58,2	194
						1082

*Thống kê từ điều tra 233 nông hộ.

Kết quả mô hình: bò lai sind: với sự phối hợp giữa dự án, phòng Nông nghiệp huyện Cầu Ngang đã thực hiện mô hình này với kết quả cụ thể như sau

- Số lượng thực hiện: 8 mô hình / 8 ấp (Mỹ Cẩm , Hòa Hưng, Hòa Thịnh, Sóc Hoang, Cẩm Hương, Bàu Sen , Bờ Kinh 1, Bờ Kinh 2)
- Qui mô : 1 bò cái / hộ
- Phương pháp : cho phối giống bò Sind với giống bò địa phương.
- Kết quả ghi nhận được : Trong 8 mô hình được thực hiện cho đến nay đã có 7 con bê lai sind, trung bình từ 1 - 2 tháng tuổi (còn một con đang mang thai) Bước đầu được ghi nhận là : Bò lai sind hầu hết ở các mô hình đều có đặc tính tốt như : tốc độ tăng trọng nhanh, tầm vóc lớn, to khỏe hơn bò vàng địa phương cùng tháng tuổi từ 1,3 đến 1,5 lần, với kết quả này cho thấy mô hình có thể tiếp tục mở rộng cho vùng lân cận .

E. Cải tiến khâu xử lý và bảo quản sau thu hoạch, xây dựng mô hình cơ khí hóa

Hoàn thiện mô hình sản phối lều nhựa trắng để nhanh chóng phổ biến cho nông dân, đồng thời vận động nông dân thử nghiệm và ứng dụng nhiều mô hình phối sấy nông sản khác như lều sấy vĩ ngang. Trong thời gian 3 tháng 9-11 /1999 có 20 nông hộ nhận đầu tư làm sản phối đã hoàn thành với tổng diện tích là 4900m², và diện tích bình quân 86,5 m² (54-135m²) / hộ với nhiều loại vật liệu như gạch tàu, xi măng, đan xi măng.

Bảng 21 : Phân bố mô hình sân phơi lều nhựa trắng trên toàn xã Mỹ hòa ,
nam 2000

Địa điểm	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Ước lượng toàn xã (m ²)
Mỹ cấm B	0,54	110	1360,0
Cấm hương	0,54	125	1360,0
Bơ kinh 1	5,50	2336	13860,0
Bơ kinh 2	3,85	386	9702,0
Sóc hoang	0,54	63	1360,0
Hòa hưng	0,54	120	1360,0
Tổng cộng	11,51	3210	30000,0
		(21sân, 149m ² /sân)	(200 sân)

(Thống kê từ 179 phiếu điều tra)

Ngày 27/4/2001, dự án đã triển khai trình diễn một số máy nông nghiệp để
nông dân nắm các thông số kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của chúng , nhằm
giảm giá thành sản xuất nông nghiệp. Kết quả ghi nhận như sau :

• **Máy trục bùn**

- Đặc tính kỹ thuật :

- + Trọng lượng = 105kg
- + Kích thước D x R x C = 195 x 100 x 75 cm
- + Động cơ vận hành = Diesel 9HP
- + Nhiên liệu tiêu thụ = 1 lít dầu /giờ
- + Năng suất = 1,5 - 2,0 ha/8 giờ

• **Máy gặt xếp dây :**

- Đặc tính kỹ thuật :

- + Trọng lượng = 140kg
- + Kích thước chiều rộng làm việc = 120 cm
- + Động cơ vận hành = 9 HP
- + Nhiên liệu tiêu thụ = 1,2 lít xăng /giờ
- + Năng suất = 1,5- 2,0 ha/ngày

• Công cụ làm cỏ sục bùn

• Đặc tính kỹ thuật :

- + Loại đơn
- + Trọng lượng = 5kg
- + Kích thước chiều rộng làm việc = 30cm
- + Vận hành = kéo tay
- + Năng suất = 0.3ha/8 giờ

So với các loại máy xới địa phương thì công suất các máy trình diễn đều mạnh gấp hai lần, do đó sẽ tiết kiệm được nhiên liệu và thời gian, giảm nhẹ được lao động chân tay, nhất là lao động nữ.

5. Tập huấn, đào tạo cán bộ kỹ thuật và thông tin tuyên truyền.

Đây là nội dung bao trùm xuyên suốt quá trình triển khai và thực hiện dự án:

Đối với công tác tập huấn: Tùy theo từng nội dung cần tập huấn, ban quản lý dự án chọn và mời cán bộ có trình độ chuyên môn sâu và kinh nghiệm dày dặn từ nhà khoa học của Viện cho đến các cán bộ kỹ thuật của tỉnh Trà Vinh, huyện Cầu Ngang. Tài liệu giảng dạy chủ yếu dựa vào phát triển của các tài liệu kỹ thuật nông nghiệp do các đơn vị chức năng trong ngành nông nghiệp phát hành. Đối với những tài liệu chưa được phép phát hành của Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn số cán bộ chuyên môn được chỉ định biên soạn, các nhà khoa học đầu đàn bổ sung, giám đốc dự án xét duyệt và biên tập lại hoàn chỉnh. Cán bộ giảng dạy sẽ sử dụng tài liệu này để hướng dẫn sử dụng trực tiếp cho nông dân. Như vậy chính các cán bộ kỹ thuật làm giáo viên cũng được củng cố và nâng cao trình độ. Phương pháp tập huấn thường không quá kéo dài, không ôm đồm nhiều nội dung nhưng lại được nhắc lại nhiều lần trong nhiều đợt tập huấn khác nhau. Bên cạnh đó nhiều báo cáo điển hình, các kinh nghiệm canh tác của các hộ nông dân sản xuất giỏi cũng thường xuyên được phát biểu thảo luận để nông dân rút kinh nghiệm học tập lẫn nhau.

dân sản xuất giỏi cũng thường xuyên được phát biểu thảo luận để nông dân rút kinh nghiệm học tập lẫn nhau.

- Tính đến nay đã có 20 nội dung tiến bộ kỹ thuật đã được chuyển giao với gần 3000 bản tài liệu, bài giảng đã được in ấn phổ biến cho nông dân

- Kết quả có 1900 lượt cán bộ và nông dân (bao gồm 1500 lượt trong dự án và 400 lượt sử dụng nguồn vốn tự có) được tập huấn trong đó có một số cuộc hội thảo, lớp huấn luyện nâng cao trình độ kỹ thuật nông nghiệp cho học viên là nông dân sản xuất giỏi, cán bộ kỹ thuật huyện, xã.

Bảng 22. Các nội dung đã tập huấn

Nội dung	Số lượt nông dân tham gia	Tài liệu kỹ thuật
1. Quy trình sản xuất giống lúa nguyên chủng, xác nhận	150	200
2. Kỹ thuật canh tác lúa ngắn ngày	150	100
3. Phân bón và kỹ thuật bón phân cho lúa cao sản ở DBSCL	150	200
4. Kỹ thuật sử dụng máy sạ hàng	150	200
5. Kỹ thuật bón phân theo bảng so màu lá	150	200
6. Biện pháp tổng hợp IPM phòng trừ sâu bệnh hại lúa	150	200
7. Biện pháp vệ sinh hạt giống	150	200
8. Quy trình thâm canh tổng hợp	150	200
9. Kỹ thuật trồng đậu phộng	100	200
10. Kỹ thuật canh tác cây đậu nành	50	100
11. Kỹ thuật trồng bắp lai	50	100
12. Cách trồng khoai lang	50	100
13. Kỹ thuật trồng vườn rau tự túc	50	100
14. Kỹ thuật trồng xoài	50	100
15. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây nhãn	50	100
16. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sậpô	50	100
17. Kỹ thuật trồng và chăm sóc cây sầu riêng	50	100
18. Kỹ thuật nuôi bò	100	200
19. Kỹ thuật nuôi heo trong gia đình	50	100
20. Kỹ thuật nuôi gà đẻ trong vườn	50	100
Tổng số	1900	2900

6. Tổ chức hội nghị, hội thảo và hợp tác khoa học và công nghệ với địa phương.

Trong quá trình triển khai dự án, Viện Lúa đã phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh tổ chức một cuộc hội thảo khoa học tại tỉnh Trà Vinh. Mục đích các cuộc hội thảo là nhằm giới thiệu hoặc thông báo các thông tin khoa học và công nghệ cần thiết phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng Sông Cửu Long và Trà Vinh. Một số kết quả nghiên cứu khoa học đã được nghiên cứu áp dụng ngay cho sản xuất nông nghiệp tại địa bàn dự án và tỉnh Trà Vinh.

Trong quá trình thực hiện, ban quản lý dự án cũng đã tổ chức nhiều cuộc hội nghị sơ tổng kết hội thảo đầu bờ, tổ chức thăm đồng, các mô hình sản xuất lúa hiệu quả ở Viện Lúa, thường xuyên kiểm tra tiến độ và kết quả thực hiện dự án, chỉ đạo thực hiện đến từng hộ nông dân.

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

Bảng 23: Thành quả sau 2 năm thực hiện dự án tại xã Mỹ Hòa.

Chỉ tiêu	Yêu cầu cần đạt	Sau 2 năm thực hiện dự án 12/2000		So với yêu cầu
		Trong dự án	Ngoài dự án	
1. Lúa				
- Nhân giống (ha)	100-200	200		Đạt
- Giống lúa mới	5-7	13		Vượt 6
2. Áp dụng các công cụ cơ khí hóa nông nghiệp				
- Sân phơi lều nhựa	50	20	180	Vượt 150
- Máy trục bùn	1	1		Đạt
- Máy gặt xếp dây	1	1		Đạt
- Công cụ làm cỏ	3	3		Đạt
- Máy sạ hàng (cái)	5-10	10		Đạt
3. Rau màu (giống mới)	3-5	3		Đạt
4. Chăn nuôi bò				
- Bò lai đực	1-2	1		Vượt 714
- Bò lai sinh	20-30	27	716	
5. Điểm tiếp nhận và nhân giống	1-2	19		Vượt 17
6. Đào tạo				
- Lớp học	15	15		Vượt 900
- Học viên	1000	1000	900	
7. Thu nhập				
- GDP (USD/người/năm)	200	223		Vượt 23
Tỉ lệ tăng /ha(%)	20	166		Vượt 146

V. Một số kinh nghiệm trong xây dựng, điều hành thực hiện một dự án chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

1. Xác định đúng những nguyên nhân hạn chế sản xuất và đời sống của vùng dự án.

Giai đoạn điều tra, khảo sát điều kiện tự nhiên và thực trạng kinh tế xã hội của vùng dự án để tìm ra các nguyên nhân ảnh hưởng xấu đến sản xuất và đời sống của người nông dân chính là mấu chốt, là cơ sở thiết lập ra các mục tiêu, nội dung và các giải pháp tổ chức thực hiện mà dự án cần đạt được.

Đối với thực tế của xã Mỹ hòa từ xác định các nguyên nhân hạn chế lớn của sản xuất và đời sống, chúng tôi đã tiến hành các nội dung và giải pháp sau đây:

- * Chuyển đổi hợp lý cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng

- * Từng bước phá thế độc canh bằng củng cố và phát triển các cây trồng khác lúa, phát triển chăn nuôi bò, cây ăn quả, rau màu nhằm xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đa canh bền vững.

- * Thường xuyên tổ chức tập huấn kỹ thuật để củng cố và nâng dần kiến thức khoa học kỹ thuật làm cho người nông dân tiếp thu và triển khai được các nội dung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vừa tăng được năng suất, chất lượng vừa hạ được chi phí sản xuất, bảo đảm sức khỏe, vệ sinh môi trường.

- * Trực tiếp đầu tư vốn tiền mặt, cây con giống và một số thiết bị công cụ kỹ thuật cho một số hộ nông dân sản xuất giỏi để xây dựng mô hình có hiệu quả từ đó tổ chức nhân rộng ra.

2. Đề ra các nội dung và các giải pháp tổ chức thực hiện thật cụ thể hợp lý, vừa phù hợp với thực trạng của địa phương nhất là trình độ của người nông dân vừa mang tính khoa học, tiếp thu và triển khai kịp thời các cán bộ kỹ thuật mới.

3. Phối hợp chặt chẽ giữa ban quản lý dự án với các ngành liên quan từ Tỉnh, Huyện đến xã ấp, đặc biệt là làm cho người nông dân hiểu được ý nghĩa mục đích để tự giác tham gia và thực hiện nghiêm túc các nội dung chuyển giao kỹ thuật cũng như các hợp đồng kinh tế đã ký kết. Phát huy được tính tự lực

tự cường của họ; dự án chỉ hướng dẫn phương hướng kế hoạch, chuyển giao huấn luyện các kỹ thuật tiên bộ và hỗ trợ một phần các vật tư kỹ thuật chủ yếu. Phần quyết định chính về hiệu quả kinh tế cuối cùng là của người nông dân.

VI. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH:

Tính đến ngày báo cáo:

Dự án đã nhận được tổng số là :

500 triệu đồng

Đã chi tổng số là :

500 triệu đồng

Trong đó bao gồm:

Thuê khoán chuyên môn:

70 triệu đồng

Đầu tư nguyên vật liệu, năng lượng :

268,75614 triệu đồng

Trang thiết bị , máy móc chuyên dùng :

100 triệu đồng

Chi khác

61,24386 triệu đồng

VII. KẾT LUẬN:

Sau hơn 2 năm thực hiện, dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế kỹ thuật rất đáng kể như sau:

1/ Tăng sản lượng lúa, chuyển đổi cơ cấu giống mùa vụ, góp phần đa dạng hóa sản phẩm, bước đầu đã tạo được thu nhập tổng hợp và nâng cao đời sống nông dân, cụ thể là:

- Về lúa:

- Xây dựng được vùng lúa 200 ha trồng trên 10 giống mới
 - Ở điểm dự án tăng 100 tấn lúa tương đương 280 triệu đồng Việt nam
 - Trong toàn xã tăng 1832 tấn lúa tương đương 2,0152 tỉ đồng Việt nam

Trong đó cơ cấu giống và mùa vụ đã được chuyển đổi cơ bản.

- Lợi nhuận mang lại từ giống lúa mới cao hơn giống lúa cũ vào khoảng 1 triệu đồng/ha nhờ vào các biện pháp thâm canh tổng hợp, hạ giá thành.

* Về cây màu: - Tăng tỷ trọng cây màu lên 30% diện tích của xã, tăng 2-3 lần diện tích mà năm 1998.

- Hàng năm trồng được 510 ha.
- Lợi nhuận của các mô hình đa canh mang lại gấp 3-6 lần trồng lúa.

* Về chăn nuôi: - Góp phần thúc đẩy phát triển đàn bò lai Sind lên hơn 700 con.

- Đến nay đã có hàng chục hộ đã biết nuôi bò nái tự sản xuất để nuôi và bán con giống, và hiện nay đang phát triển mạnh.

* Về khâu xử lý sau thu hoạch: đã nhanh chóng phổ biến mô hình sân phơi liệu nhựa trắng với 30000m².

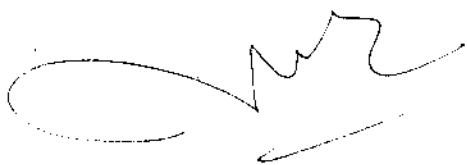
2. Thông qua đào tạo, tập huấn đã góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật cho nông dân Khmer, đại bộ đã biết sản xuất 2 lúa, 2 lúa - màu, nhiều hộ đã biết chăn nuôi bò, heo, đặc biệt là nuôi bò nái, trồng cây ăn quả, rau xanh.

3/ Rút được kinh nghiệm tổ chức và chuyển giao kỹ thuật cho người dân tộc vùng sâu vùng xa, như kết hợp tập huấn với triển khai sản xuất khảo nghiệm, sử dụng nhiều loại kênh thông tin, tập hợp và hợp tác với địa phương.

VIII. ĐỀ NGHỊ:

1. Kính đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường xem xét cho Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long tiếp tục nghiên cứu xây dựng dự án hỗ trợ nhằm hoàn chỉnh mô hình phát triển kinh tế, xã hội toàn diện xã Mỹ Hòa.
2. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh và các ngành chức năng có kế hoạch chỉ đạo cho địa phương và hỗ trợ cho Viện Lúa ĐBSCL nhân rộng các kết quả đã được khẳng định.

Điều phối viên dự án



Lương Minh Châu

Giám Đốc dự án



Lê Văn Quang